

Số: 409 /QĐ-ĐHBK

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Quy định đào tạo chương trình tiên tiến trình độ đại học”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 04 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng và các trường thành viên;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 03 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Đào tạo theo Chương trình tiên tiến tại một số trường đại học Việt Nam giai đoạn 2008-2015” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1505/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2008; Quyết định số 2871/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 06 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ triển khai đào tạo chương trình tiên tiến cho trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo chương trình tiên tiến trình độ đại học tại trường Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức-Hành chính, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính, các cán bộ viên chức phụ trách chương trình tiên tiến và sinh viên chương trình tiên tiến chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đại học Đà Nẵng (để báo cáo);
- Lưu Văn thư; Trung tâm Xuất sắc; phòng Đào tạo, KH-TC, KT&ĐBCLGD, TT-PC.



GS. TS. Lê Kim Hùng

QUY ĐỊNH

Về đào tạo chương trình tiên tiến trình độ đại học

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 409/QĐ-ĐHBK ngày 20 tháng 10 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này cụ thể hóa văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Đào tạo theo Chương trình tiên tiến tại một số trường đại học Việt Nam giai đoạn 2008-2015” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1505/QĐ-TTg ngày 15/10/2008, gồm các quy định đối với các chương trình tiên tiến (sau đây viết tắt là CTTT) tại Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Trường).

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên đại học hệ chính quy đào tạo theo CTTT học chế tín chỉ, giảng dạy bằng tiếng Anh (sau đây gọi tắt là sinh viên).

3. Các nội dung không nêu trong quy định này được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và đào tạo, quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường.

4. CTTT được Trường ưu tiên trong việc đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nhân lực giảng dạy và quản lý, kinh phí nghiên cứu khoa học so với các chương trình khác.

Điều 2. Mục tiêu và chương trình đào tạo

1. Mục tiêu đào tạo của CTTT là đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức khoa học cơ bản toàn diện, kiến thức chuyên môn sâu và hiện đại về chuyên ngành đào tạo, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng tự học, tự nghiên cứu và thích nghi cao với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp thông qua việc ưu tiên đầu tư về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, quản lý đào tạo và phương pháp giảng dạy - học tập - kiểm tra đánh giá.

2. Chương trình đào tạo (CTĐT) được xây dựng trên cơ sở CTĐT cùng chuyên ngành của trường đối tác, được Bộ Giáo dục và đào tạo phê duyệt và được Trường cập nhật phù hợp với các quy định hiện hành của Trường và Bộ Giáo dục và đào tạo nhằm thích ứng với nhu cầu phát triển của xã hội. CTĐT có yêu cầu chuẩn đầu ra cao hơn, nội dung rộng hơn, sâu hơn theo hướng nâng cao, đề cao tư duy sáng tạo, khả năng tự học so với CTĐT đại trà.

2. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với nhiều ngành (kiểu song ngành) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của mỗi học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ; điều kiện tiên quyết, học trước, học song hành; chuẩn đầu ra; nội dung lý thuyết và thực hành; phương pháp giảng dạy và học tập; cách thức đánh giá học phần; giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Chương trình đào tạo được Trường xây dựng và cập nhật theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm thích ứng với nhu cầu phát triển của xã hội. Khối lượng của mỗi chương trình không dưới 150 tín chỉ đối với khóa học 5 năm; không dưới 135 tín chỉ đối với khóa học 4,5 năm; không dưới 120 tín chỉ đối với khóa học 4 năm.

Chương II

GIẢNG VIÊN, TRỢ GIẢNG, CÁN BỘ QUẢN LÝ, CƠ VẤN HỌC TẬP

Điều 3. Giảng viên, trợ giảng, cán bộ hướng dẫn thực hành

1. Tiêu chuẩn giảng viên dạy Chương trình tiên tiến

Giảng viên giảng dạy CTTT phải đáp ứng tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy CTĐT trình độ đại học theo luật định hiện hành, ngoài ra phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Giảng viên dạy lý thuyết các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành phải có trình độ tiến sĩ. Theo đề nghị của Hội đồng khoa, Hiệu trưởng có thể xem xét phê chuẩn giảng viên chính có trình độ thạc sĩ dạy học phần lý thuyết của CTTT nhưng tổng số tín chỉ do các giảng viên diện này giảng dạy không vượt quá 10% tổng số tín chỉ của CTĐT;

b) Có năng lực chuyên môn, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của CTĐT; có kinh nghiệm giảng dạy các học phần liên quan đến ngành CTTT từ 3 năm trở lên; có phương pháp giảng dạy hiệu quả; áp dụng tốt công nghệ thông tin trong giảng dạy và NCKH;

c) Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành bằng tiếng Anh, ngoài các tiêu chuẩn nêu tại Điểm a, b Khoản này, phải có trình độ Tiếng Anh bậc 5/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương) hoặc được đào tạo trình độ đại học trở lên toàn thời gian ở nước ngoài bằng tiếng Anh hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Anh hoặc sư phạm tiếng Anh;

d) Cán bộ hướng dẫn thực hành, thí nghiệm phải có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc và có năng lực Tiếng Anh từ bậc 3/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương) hoặc được đào tạo trình độ đại học trở lên toàn thời gian ở nước ngoài bằng tiếng Anh hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Anh hoặc sư phạm tiếng Anh;

e) Chương trình tiên tiến phải đảm bảo có từ 25% số tín chỉ của CTĐT được giảng dạy bởi giảng viên của các trường đại học uy tín nước ngoài hoặc giảng viên quốc tịch Việt Nam đã tham gia giảng dạy trình độ đại học trở lên ở nước ngoài hoặc giảng viên đã được đào tạo trình độ tiến sĩ ở nước ngoài, đáp ứng yêu cầu ở Điểm a, b và c Khoản này.

g) Danh sách giảng viên giảng dạy CTTT do Hiệu trưởng phê duyệt theo đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường, được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, được cập nhật hàng năm nếu cần thiết.

2. Mời giảng, phân công giảng viên dạy Chương trình tiên tiến

a) Trước mỗi năm học, căn cứ vào tiêu chuẩn giảng viên CTTT, yêu cầu về việc đảm bảo tỷ lệ giảng viên dạy CTTT là người nước ngoài, năng lực chuyên môn và đạo đức giảng viên, bộ phận quản lý CTTT liên hệ giảng viên và cùng với Phòng Đào tạo, Khoa chuyên môn tiến hành lập kế hoạch, mời giảng viên nước ngoài dạy CTTT và kết hợp dạy các CTĐT khác của Trường, nếu có thể;

b) Giảng viên cơ hữu của Trường, của Đại học Đà Nẵng đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 của Điều này và không trái với các quy định hiện hành của Trường và Đại học Đà Nẵng được ưu tiên trong việc phân công giảng dạy, mời giảng cho CTTT. Việc phân công giảng dạy đối với giảng viên cơ hữu, mời thỉnh giảng đối với giảng viên quốc tịch Việt Nam được thực hiện trên cơ sở trao đổi và thống nhất giữa bộ phận quản lý CTTT và Khoa quản lý chuyên môn.

3. Trách nhiệm giảng viên dạy Chương trình tiên tiến

Giảng viên dạy CTTT phải:

a) Chấp hành Quy định về đạo đức nhà giáo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2008; Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014, quy định hiện hành của Đại học Đà Nẵng và của Trường;

b) Hiểu rõ và chấp hành Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo hiện hành của Trường;

c) Am hiểu về CTĐT, chủ động tham gia xây dựng và cập nhật CTĐT theo quy định hiện hành và kế hoạch của Trường; tham gia công tác đảm bảo chất lượng CTĐT theo sự phân công, giao nhiệm vụ của Khoa, Trường;

d) Sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy tích cực nhằm phát huy cao nhất tính chủ động của sinh viên; không ngừng tăng cường ứng dụng công nghệ, trang thiết bị giảng dạy lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hiện đại; chủ động hướng dẫn sinh viên phương pháp học tập, trình bày, diễn đạt ý tưởng; sử dụng hệ thống quản lý giảng dạy học tập trực tuyến LMS (Learning Management System) của Trường - là yêu cầu bắt buộc đối với giảng dạy CTTT;

e) Chủ động, tích cực định hướng tự học cho sinh viên và có biện pháp hữu hiệu trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá quá trình học tập; giới thiệu đủ thông tin giáo trình, tài liệu tham khảo, hướng dẫn đầy đủ phương pháp tra cứu các nguồn tư liệu cần thiết cho sinh viên một cách có hiệu quả;

g) Nghiên cứu khoa học và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học:

- Hàng năm, giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy lý thuyết các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành phải có ít nhất 01 công trình nghiên cứu khoa học được công bố hoặc nghiệm thu có nội dung liên quan đến ngành CTTT;

- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học (với cá nhân giảng viên hoặc cùng với nhóm nghiên cứu) để đảm bảo: mỗi sinh viên trong cả khóa học phải được tham gia đề tài

nghiên cứu khoa học cùng giảng viên; hàng năm CTTT phải có ít nhất 01 đề tài phối hợp nghiên cứu với các tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất liên quan đến ngành CTTT.

h) Tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật trong và ngoài trường.

3. Quyền của giảng viên dạy Chương trình tiên tiến

Giảng viên dạy CTTT được:

a) Hưởng định mức chi trả giờ giảng, biên soạn giáo trình, bài giảng, công tác cố vấn học tập,... theo quy định của Trường đối với CTTT;

b) Ưu tiên bố trí phương tiện giảng dạy, nơi làm việc đảm bảo yêu cầu giảng dạy trong điều kiện thực tế cho phép của Trường để giảng dạy có chất lượng, hiệu quả;

c) Ưu tiên trong việc tuyển chọn và giao đề tài nghiên cứu, bố trí kinh phí thực hiện các đề tài nghiên cứu; xét duyệt tham dự hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước theo quy định; xét chọn cử đi đào tạo ngắn hạn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước theo kế hoạch các chương trình hợp tác của Trường.

4. Trợ giảng

a) Trợ giảng CTTT phải có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của học phần; sử dụng tốt các thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy để hỗ trợ giảng viên trong hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập, hướng dẫn thực hành, thảo luận, seminar, làm đồ án tốt nghiệp;

b) Trường có thể sử dụng nghiên cứu sinh, học viên chương trình thạc sỹ hoặc sinh viên giỏi của CTTT tham gia hoạt động trợ giảng.

Điều 4. Cán bộ quản lý và cố vấn học tập

1. Cán bộ quản lý CTTT phải có đủ năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản lý đào tạo; sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý liên quan; có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc.

2. Cố vấn học tập phải nắm vững CTĐT, quy định về đào tạo CTTT và có khả năng hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên trong quá trình học tập; có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc.

Chương III

TUYỂN CHỌN VÀ CHUYỂN ĐỔI TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 5. Phương thức tuyển sinh

1. Trường tuyển sinh CTTT theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và đào tạo. Ngoài ra, thí sinh dự tuyển CTTT phải:

a) Đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào và tổ hợp các môn thi phù hợp theo quy định của Trường;

b) Có văn bằng tốt nghiệp tối thiểu tương đương bằng tốt nghiệp phổ thông trung học của Việt Nam và có năng lực tiếng Anh đầu vào theo yêu cầu của CTĐT, nếu thí sinh là người nước ngoài.

2. Hàng năm, trên cơ sở đăng ký xét tuyển của thí sinh, chỉ tiêu đào tạo và phương thức xét tuyển Trường đã công bố, Hội đồng tuyển sinh Đại học Đà Nẵng xem xét và quyết định kết quả xét tuyển.

Điều 6. Chuyển đổi giữa Chương trình tiên tiến và các chương trình khác

Sinh viên CTTT không đáp ứng các yêu cầu của chương trình - có kết quả học tập kém hoặc/ và năng lực tiếng Anh không đạt yêu cầu thì không được tiếp tục học CTTT. Sinh viên có thể chuyển sang CTĐT khác (đại trà hoặc chất lượng cao, cùng hoặc khác ngành) căn cứ vào điểm xét tuyển của sinh viên và tiêu chí tuyển sinh đầu vào hoặc bị buộc thôi học, như sau:

1. Chuyển sang chương trình đại trà, nếu sinh viên có nguyện vọng chuyển chương trình, có kết quả học tập chưa đến mức bị buộc thôi học và có điểm xét tuyển ít nhất bằng điểm trúng tuyển (ở thời điểm sinh viên vào Trường) của chương trình dự định chuyển sang;

2. Chuyển sang chương trình đại trà đối với sinh viên được Trường gia hạn cho tự học tiếng Anh để nâng cao năng lực tiếng Anh nhưng hết thời gian gia hạn vẫn không đủ năng lực nếu sinh viên có điểm xét tuyển ít nhất bằng điểm trúng tuyển (ở thời điểm sinh viên vào Trường) và còn thời gian để có thể hoàn thành CTĐT mới chuyển sang;

3. Buộc thôi học đối với sinh viên được Trường gia hạn cho tự học tiếng Anh để nâng cao năng lực tiếng Anh nhưng hết thời gian gia hạn vẫn không đủ năng lực và sinh viên không còn đủ thời gian để có thể hoàn thành CTĐT mới chuyển sang.

4. Thời gian cho phép sinh viên học ở CTĐT mới khi chuyển từ CTTT bằng thời gian tối đa theo Khoản 3 Điều 7 trừ đi thời gian sinh viên đã học ở CTTT.

Chương IV TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 7. Thời gian, kế hoạch đào tạo và tổ chức lớp học

1. Trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a) Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành CTĐT. Thời gian khóa học CTTT của Trường là 4,5 năm.

b) Một năm học có 3 học kỳ: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3 và đều là học kỳ bắt buộc. Mỗi học kỳ kéo dài 12 tuần bao gồm cả thời gian thi giữa kỳ, cuối kỳ và 2 tuần dự trữ.

2. Kế hoạch đào tạo của khóa học và từng học kỳ thể hiện trong CTĐT đã được Hiệu trưởng quyết định ban hành, được công bố công khai trong các tài liệu in và website đào tạo của Trường vào đầu khóa học và trước mỗi năm học.

3. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình gồm: thời gian thiết kế cho chương trình, cộng với thời gian sinh viên được phép gia hạn (là 3 năm đối với khóa học 5 năm, 2 năm đối với khóa học dưới 5 năm), bao gồm cả thời sinh viên ngừng học vì lý do cá nhân. Thời gian sinh viên thực hiện nghĩa vụ quân sự hoặc bị tai nạn hoặc đau ốm phải nghỉ học

(nếu có) có quyết định cho phép của Trường sẽ không tính vào thời gian gia hạn. Đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành CTĐT.

4. Tổ chức lớp học

Số học phần và tín chỉ sinh viên học trong mỗi học kỳ được thiết kế theo CTĐT toàn khóa. Việc rút bớt hay đăng ký thêm học phần theo điều kiện và năng lực của sinh viên cùng với sự hướng dẫn của cố vấn học tập.

Sinh viên đăng ký học theo hướng dẫn của Trường, cán bộ phụ trách giáo vụ của CTTT, cố vấn học tập. Khi cần học lại để trả nợ học phần bị điểm F hoặc cải thiện điểm D+ hoặc D, sinh viên đăng ký và đóng học phí số tín chỉ của lớp học phần mà sinh viên học lại theo mức quy định của Trường ở học kỳ tương ứng.

Số lượng sinh viên tối thiểu của từng loại lớp học phần do Hiệu trưởng quy định trong từng học kỳ, tùy theo điều kiện thực tế và có mức cơ bản như sau:

- Mỗi lớp lý thuyết khoảng 45 sinh viên;
- Mỗi lớp thực hành, thí nghiệm khoảng 15 sinh viên;
- Mỗi nhóm thảo luận khoảng 30 sinh viên.

Điều 8. Yêu cầu về năng lực tiếng Anh của sinh viên, tổ chức giảng dạy tiếng Anh và giảng dạy bằng tiếng Anh

1. Yêu cầu về năng lực tiếng Anh đầu vào theo tiêu chí xét tuyển hàng năm được Trường công bố trước khi tuyển sinh.

2. Yêu cầu về năng lực tiếng Anh trong thời gian khóa học, năng lực tiếng Anh đầu ra của sinh viên và tổ chức giảng dạy tiếng Anh có quy định riêng.

3. Giảng dạy CTTT được thực hiện hoàn toàn bằng tiếng Anh, trừ một số học phần (Pháp luật đại cương; Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng-an ninh; các học phần chính trị: Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac-Lê nin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh;...).

Điều 9. Tổ chức lớp

1. Lớp sinh viên (sau đây gọi tắt là lớp): bao gồm những sinh viên cùng ngành, cùng khóa học. Lớp sinh viên có ký hiệu lớp, cán bộ lớp, cán bộ Đoàn, giảng viên chủ nhiệm/ cố vấn học tập; là nơi để Trường tổ chức, quản lý về thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện, các hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội, thi đua, khen thưởng, kỷ luật. Nếu sinh viên được phân ngành hoặc chuyên ngành, Trường có thể chuyển sinh viên sang lớp khác. Sinh viên đã học hết thời gian thiết kế của khóa học thì sinh hoạt với sinh viên ở lớp cùng ngành ở khóa sau.

2. Lớp học phần: Lớp học phần được tổ chức theo từng học phần để giải quyết nhu cầu học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Mỗi lớp học phần có mã số riêng, có thời khóa biểu và giảng viên phụ trách. Trường đảm bảo mở đủ các lớp học phần theo kế hoạch thiết kế của chương trình đào tạo.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập và rút bớt các học phần sau khi đăng ký

1. Tùy theo số lượng sinh viên mỗi ngành ở từng khóa, Trường tổ chức cho sinh viên đăng ký các lớp học phần bằng website “Hệ thống thông tin sinh viên” nếu có nhiều sinh viên hoặc phổ biến các học phần ở học kỳ tới để sinh viên chọn các học phần tự chọn và mở các lớp học phần tương ứng.

2. Việc đăng ký học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết, học trước, học song hành của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

3. Sinh viên đăng ký học ít hoặc nhiều hơn số học phần, tín chỉ theo tiến độ thiết kế của CTĐT cần phải có ý kiến của cố vấn học tập. Sinh viên đăng ký học ít hoặc nhiều hơn số tín chỉ theo tiến độ thiết kế của CTĐT vẫn đóng học phí của học kỳ theo mức quy định chung đối với sinh viên của chương trình ở khóa tương ứng.

4. Số lượng sinh viên tối thiểu để mở lớp học phần lý thuyết là 15. Số lượng sinh viên tối thiểu để mở lớp học phần thực hành, thí nghiệm, thực tập phụ thuộc vào đặc điểm của học phần và được Trường công bố vào đầu mỗi năm học. Sinh viên có thể đề nghị duy trì các lớp học phần có ít sinh viên để giải quyết nhu cầu học lại, học vượt nhưng phải đóng học phí bổ sung để Trường bù đắp chi phí tổ chức lớp.

5. Ở tuần thứ 2 của học kỳ, sinh viên có thể rút bớt học phần đã đăng ký. Đơn xin rút học phần phải có ý kiến xác nhận của giảng viên chủ nhiệm/ cố vấn học tập. Sau thời hạn này, sinh viên không được rút học phần. Nếu không học, sinh viên sẽ bị xem là tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

Điều 11. Đăng ký học lại, học thay thế

1. Sinh viên bị điểm F đối với học phần bắt buộc thì phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm tích lũy.

2. Sinh viên bị điểm F đối với học phần tự chọn thì có thể đăng ký học lại học phần đó hoặc đổi sang học học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại đối với các học phần bị điểm D+ hoặc D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

4. Đối với những sinh viên còn có học phần bắt buộc nhưng chưa học, mà học phần này Trường không còn mở lớp cho khóa sau nữa và có quá ít (dưới 5) sinh viên có nhu cầu học, Trường tổ chức cho sinh viên thi để lấy kết quả đánh giá học phần hoặc Hội đồng khoa xem xét và đề nghị Trường cho phép sinh viên học học phần thay thế.

5. Sinh viên học lại theo lớp riêng thì phải đóng học phí bổ sung. Mức học phí bổ sung do Hiệu trưởng quy định, tùy theo điều kiện thực tế.

Điều 12. Nghỉ học do bị ốm, tai nạn

1. Sinh viên bị ốm, tai nạn trong thời gian học của lớp nhưng chưa vắng quá 20% thời gian học thì cần phải xin phép giảng viên phụ trách lớp học phần.

2. Sinh viên bị ốm hoặc tai nạn phải vắng thi giữa kỳ hoặc cuối kỳ, thì phải có đơn xin phép hoãn thi nộp cho bộ phận quản lý CTTT trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo xác nhận cơ quan y tế trường hoặc bệnh viện để được phép hoãn thi.

3. Sinh viên bị ốm hoặc tai nạn mà vắng quá 20% thời gian học của học kỳ thì cần phải thực hiện theo Điều 13 của Quy định này.

Điều 13. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên có thể làm đơn xin Trường cho phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;
- b) Bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị trong thời gian dài. Trong trường hợp này, phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế từ cấp quận/ huyện trở lên;
- c) Vì nhu cầu cá nhân. Trong trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở Trường; không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 15 của Quy định này; phải đạt điểm trung bình học kỳ ở học kỳ trước từ 2,00 trở lên, đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 trở lên và phải có đơn xin nghỉ học tạm thời nộp cho Phòng Đào tạo trong vòng 3 tuần đầu của học kỳ chính. Hiệu trưởng quyết định cho phép nghỉ học đối với những trường hợp đặc biệt cụ thể (gia đình có tang, hỏa hoạn, thiên tai...).

2. Sinh viên đã học hết 2 năm nhưng không đạt “chuẩn tiếng Anh sau năm thứ nhất” thì phải tạm ngừng học các học phần khác của CTTT trong một năm học để tự học tiếng Anh. Kết quả những học phần đã học được bảo lưu. Sau một năm, nếu đạt “chuẩn tiếng Anh sau năm thứ nhất” sinh viên được trở lại học với sinh viên khóa sau;

3. Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tập phải làm thủ tục trước học kỳ mới ít nhất 7 ngày.

Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy được, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

Số tín chỉ tích lũy	Dưới 36	36 đến 71,5	72 đến 107,5	108 đến 143,5	Từ 144 trở lên
Xếp hạng năm đào tạo	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5

2. Sinh viên được xếp hạng học lực như sau:

- a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt từ 2,00 trở lên và điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.
- b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung học kỳ dưới 2,00 hoặc điểm trung bình chung tích lũy dưới 2,00.

3. Ở năm học thứ nhất, việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên và xét học bổng cho sinh viên được thực hiện một lần ở cuối năm học. Từ năm học thứ 2 trở đi, việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên và xét học bổng cho sinh viên được thực hiện cuối mỗi học kỳ 1, 2 và 3.

Điều 15. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cuối năm học thứ nhất hoặc cuối mỗi học kỳ từ năm học thứ 2, sinh viên học yếu kém sẽ bị cảnh báo kết quả học tập hoặc bị buộc thôi học. Cảnh báo kết quả học tập để sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình.

2. Cuối năm học thứ nhất hoặc cuối mỗi học kỳ từ năm học thứ 2, sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập nếu rơi vào ít nhất một trong hai trường hợp sau:

a) Có điểm trung bình chung tích lũy dưới ngưỡng quy định, là: 1,20; 1,40; 1,60 và 1,80 tương ứng với hạng năm đào tạo là: năm 1; năm 2; năm 3 và từ năm 4 trở lên;

b) Có điểm trung bình chung học kỳ dưới ngưỡng quy định, là: 0,80 đối với năm học đầu của khóa học; 1,00 đối với học kỳ từ năm thứ 2 trở đi;

3. Cuối mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào ít nhất một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng học tập bằng 0 tín chỉ và không có quyết định của Trường cho phép ngừng học ở học kỳ đó;

b) Điểm học phần theo thang 10 của tất cả các học phần trong học kỳ là 0;

c) Sinh viên đã bị cảnh báo kết quả học tập ở năm học đầu tiên của khóa học, đến học kỳ tiếp theo có điểm trung bình chung học kỳ dưới 1,00 hoặc có điểm trung bình chung tích lũy dưới 1,20;

d) Sinh viên đã bị cảnh báo 2 lần, sau đó có điểm trung bình chung học kỳ dưới 1,00 hoặc có điểm trung bình chung tích lũy dưới ngưỡng quy định ở Điểm a Khoản 2 Điều này;

e) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường quy định tại Khoản 3 Điều 7 của Quy định này;

g) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách sinh viên của Trường;

4. Sinh viên rơi vào một trong các trường hợp nêu ở Điểm b, Điểm d Khoản 3 Điều này và chỉ còn thiếu không quá 6 tín chỉ (không kể đồ án tốt nghiệp) trong tổng số tín chỉ yêu cầu của CTĐT thì được cho phép thêm một lần cảnh báo kết quả học tập nhưng không được quá 2 lần liên tiếp và tổng số lần cảnh báo kết quả học tập không quá 3.

5. Số lần cảnh báo kết quả học tập cho phép đối với sinh viên nước ngoài nhiều hơn sinh viên diện bình thường một lần, nhưng không được quá 2 lần liên tiếp;

6. Sinh viên không đạt yêu cầu về năng lực tiếng Anh để theo học CTTT thì bị buộc thôi học CTTT. Việc giải quyết chuyển sinh viên từ CTTT sang chương trình khác theo Điều 6 của Quy định này;

7. Trong vòng 30 ngày kể từ khi ban hành quyết định buộc thôi học, Trường thông báo về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Nếu tại Trường hoặc tại những trường khác có các CTĐT ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các Điểm c, d và e ở Khoản 3 của Điều này, được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một

phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở chương trình mới. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho chuyển và bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 16. Học cùng lúc hai chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sinh viên học ít nhất một học kỳ ở chương trình thứ nhất, phải có điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 trở lên và điểm trung bình chung học kỳ từ 2,00 trở lên;

c) Trong quá trình học cùng lúc hai chương trình, đối với mỗi chương trình nếu sinh viên có điểm trung bình chung học kỳ dưới 2,00 hoặc điểm trung bình chung tích lũy dưới 2,00 thì bị buộc thôi học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

d) Sau khi được Trường cho phép học chương trình thứ hai, nếu sinh viên đăng ký ít hơn 3 tín chỉ của chương trình thứ hai thì bị buộc thôi học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại Khoản 3 Điều 7 của Quy định này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất. Khi đã được công nhận tốt nghiệp chương trình thứ nhất, sinh viên không được học lại các học phần thuộc chương trình thứ nhất và tính điểm cho chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

5. Thủ tục đăng ký học chương trình thứ hai:

a) Sinh viên làm đơn và nộp cho Phòng Đào tạo theo thời hạn quy định: trước học kỳ mới của chương trình 2 ít nhất 3 tuần. Phòng Đào tạo thông báo kết quả cho sinh viên sớm trước 01 tuần của học kỳ mới của chương trình 2.

b) Sau khi có Quyết định của Hiệu trưởng, đối với học kỳ đầu tiên học chương trình 2, Phòng Đào tạo hỗ trợ đăng ký học cho sinh viên. Đối với các học kỳ sau đó, sinh viên tự đăng ký học các học phần chương trình hai như sinh viên bình thường ở chương trình 2.

Điều 17. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có đủ các điều kiện sau:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình sinh viên chuyển nơi cư trú, chuyển nơi công tác hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để có điều kiện học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong những trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;

b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;

b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III **KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN**

Điều 18. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận (điểm kiểm tra giữa kỳ, bài tập, tiểu luận,...) và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một số lẻ thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận, điểm thi cuối kỳ của học phần nhân với trọng số tương ứng.

a) Đối với các học phần giảng dạy, học tập bằng tiếng Việt

Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần được quy định trong đề cương chi tiết học phần và được công bố khi xây dựng CTĐT hoặc trước đầu học kỳ khi cập nhật CTĐT.

b) Đối với các học phần giảng dạy, học tập bằng tiếng Anh

Điểm học phần D_H được xác định như sau:

$$D_H = k_1 \cdot B_1 + k_2 \cdot B_2 + k_3 \cdot B_3 + k_4 \cdot B_4 + k_5 \cdot B_5 + k_6 \cdot B_6$$

Trong đó:

$B_1, B_2, B_3, B_4, B_5, B_6$ - lần lượt là điểm đánh giá: chuyên cần, ý thức, thái độ học tập; bài tập, tiểu luận; làm việc nhóm/ thuyết trình; thí nghiệm/ thực hành; kiểm tra giữa kỳ; thi kết thúc học phần;

$k_1 = (10\%-20\%)$ - là trọng số của điểm đánh giá ý thức, thái độ học tập;

$k_2 = (10\%-30\%)$ - là trọng số của điểm bài tập (tiểu luận, chuyên đề...);

$k_3 = (10\%-30\%)$ - là trọng số của điểm làm việc nhóm/thuyết trình;

$k_4 = (0\%-40\%)$ - là trọng số của điểm thí nghiệm, thực hành;

$k_5 = (20\%-40\%)$ - là trọng số của điểm kiểm tra giữa kỳ;

$k_6 = (30\%-50\%)$ - là trọng số của điểm thi kết thúc học phần.

Điểm thí nghiệm, thực hành được quy định như sau (tổng trọng số các thành phần điểm là 100%):

- Điểm chuẩn bị nội dung thí nghiệm ở nhà: 10 - 30%

- Điểm hoàn thiện nội dung bài thí nghiệm: 40 - 60%

- Điểm báo cáo thí nghiệm: 10 - 30%

Tùy thuộc vào đặc điểm của lớp học phần, giảng viên phụ trách quyết định nội dung và hình thức đánh giá bộ phận, trọng số điểm đánh giá bộ phận trong giới hạn cho phép nêu trên và phải được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần được công bố cho sinh viên từ đầu học kỳ. Mỗi học phần bắt buộc phải có: điểm đánh giá ý thức, thái độ học tập; điểm kiểm tra giữa kỳ; thi kết thúc học phần.

c) Đánh giá thực tập và đồ án tốt nghiệp theo quy định hiện hành của Trường (có quy định riêng).

3. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

Xếp loại	Điểm theo thang 10	Điểm theo thang 4	Điểm theo thang chữ
Đạt	Từ 9,5 đến 10,0	4,0	A+
	Từ 8,5 đến dưới 9,5	4,0	A
	Từ 8,0 đến dưới 8,5	3,5	B+
	Từ 7,0 đến dưới 8,0	3,0	B
	Từ 6,5 đến dưới 7,0	2,5	C+
	Từ 5,5 đến dưới 6,5	2,0	C
	Từ 5,0 đến dưới 5,5	1,5	D+
Từ 4,0 đến dưới 5,0	1,0	D	
Không đạt	< 4,0	0	F

4. Các ký hiệu đặc biệt:

a) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

I - Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X - Chưa nhận được kết quả thi.

Không lấy học phần có điểm I hoặc X để tính điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung học bổng mà chỉ lấy để tính điểm trung bình chung tích lũy sau khi học phần đó có đủ điểm đánh giá bộ phận, điểm thi cuối kỳ.

b) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng ký hiệu R viết kèm với kết quả.

5. Việc xếp loại các mức điểm A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận và điểm thi cuối kỳ, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

6. Việc xếp loại ở mức điểm F còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi có quyết định phải nhận mức điểm F.

7. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải có đơn trình cho bộ phận quản lý CTTT và được bộ phận quản lý CTTT và phòng Đào tạo cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được bộ phận quản lý CTTT và phòng Đào tạo chấp thuận.

Khi nhận điểm I, trong thời gian tối đa là một năm học tiếp theo, sinh viên phải dự kiểm tra/ thi bổ sung để hoàn tất học phần còn nợ. Sau khi kiểm tra/ thi, điểm I sẽ được đổi thành điểm mà sinh viên đạt được. Nếu sau một năm học, sinh viên không đăng ký dự thi thì điểm bộ phận còn thiếu của học phần có điểm I sẽ bị chuyển thành điểm 0, trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Sinh viên có điểm I chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

8. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với học phần mà Phòng Đào tạo chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ Trung tâm xuất sắc chuyển lên.

9. Ký hiệu R được áp dụng cho các học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 19. Tổ chức kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần, chấm phúc khảo, công bố kết quả, lưu trữ bài thi và kết quả

1. Điều kiện dự kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần

Sinh viên được dự kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Không vắng quá 20% số buổi học tính đến thời điểm tổ chức kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần.

- Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của giảng viên phụ trách học phần quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

- Hoàn thành đóng học phí theo quy định của Nhà trường.

Giảng viên phụ trách lớp học phần và giáo vụ chương trình công bố danh sách sinh viên không được dự kiểm tra/ thi trong buổi học trước thời điểm tổ chức kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần.

Sinh viên vắng kiểm tra giữa kỳ hoặc thi kết thúc học phần mà không có lý do chính đáng hoặc bị gạch tên khỏi danh sách kiểm tra, thi do không đóng học phí đúng quy định thì phải nhận điểm 0 đối với kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần.

2. Hình thức và đề kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần

- Hình thức kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần có thể là trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận, bài tập lớn, seminar hoặc kết hợp giữa các hình thức này. Hình thức kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần phải được thể hiện trong đề cương chi tiết của học phần và được công bố trong buổi học đầu tiên của lớp học phần.

- Nội dung bài kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần do giảng viên phụ trách học phần quyết định nhưng phải phù hợp với nội dung và chuẩn đầu ra của học phần đã quy định trong CTĐT.

3. Ra đề và tổ chức kiểm tra, thi kết thúc học phần

a) Giảng viên phụ trách học phần bố trí thời gian kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần trong khoảng thời gian được công bố trong lịch trình giảng dạy được phổ biến cho sinh viên trong buổi học đầu tiên của học phần.

b) Giảng viên công bố kết quả chấm bài tập, tiểu luận, kiểm tra giữa kỳ và tổ chức chữa bài kiểm tra giữa kỳ cho sinh viên trong buổi học tiếp theo sau khi kiểm tra giữa kỳ.

c) Trước 10 ngày kể từ khi kết thúc học kỳ, giảng viên nhập điểm đánh giá bộ phận và điểm thi cuối kỳ vào hệ thống tác nghiệp của Trường, sau đó in bảng điểm, ký và nộp cùng với tất cả các bài kiểm tra giữa kỳ, tiểu luận, bài thi cuối kỳ về bộ phận quản lý CTTT để lưu trữ theo quy định chung của Trường.

d) Nếu có sinh viên vắng kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần vì lý do chính đáng (ốm đau, tai nạn, hoặc lý do chính đáng khác) thì sinh viên phải gửi đơn xin hoãn kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần đến bộ phận quản lý CTTT trước thời điểm kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần. Bộ phận quản lý CTTT xác nhận và chuyển cho giảng viên phụ trách học phần bố trí kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần cho sinh viên trước thời hạn nộp điểm.

4. Công bố kết quả thi cuối kỳ và phúc khảo

a) Sinh viên theo dõi kết quả thi cuối kỳ được công bố trong website “Hệ thống thông tin sinh viên” hoặc bảng ghi điểm thi cuối kỳ do giáo vụ Chương trình tiên tiến cung cấp.

b) Phúc khảo

Trong vòng 01 tuần sau khi công bố điểm thi cuối kỳ, sinh viên có nhu cầu phúc khảo cần nộp đơn đề nghị phúc khảo về bộ phận quản lý CTTT. Giáo vụ Chương trình tiên tiến kiểm tra đối chiếu bài thi với bảng ghi điểm và dữ liệu trong hệ thống tác nghiệp để xử lý như sau:

- Đối với trường hợp cộng nhầm điểm: Giáo vụ Chương trình lập biên bản về thực trạng cộng nhầm điểm và báo cho giảng viên phụ trách lớp và cán bộ phụ trách Chương

trình. Giảng viên phụ trách lớp, cán bộ phụ trách Chương trình cùng ký xác nhận trên biên bản. Giáo vụ Chương trình gửi biên bản về phòng Đào tạo để xử lý điều chỉnh điểm lưu trong hệ thống tác nghiệp;

- Đối với các trường hợp khác: Giáo vụ Chương trình lập Danh sách phúc khảo và báo cho giảng viên chấm lần trước biết. Bộ phận quản lý CTTT mời giảng viên khác chấm phúc khảo và lập biên bản chấm phúc khảo. Biên bản chấm phúc khảo phải có xác nhận của giảng viên chấm phúc khảo, cán bộ phụ trách Chương trình. Trong trường hợp có sự chênh lệch từ 1,0 điểm (theo thang 10) trở lên giữa lần chấm trước và lần chấm phúc khảo thì phải tổ chức cho các giảng viên thảo luận để thống nhất. Cán bộ phụ trách Chương trình và Trưởng phòng Đào tạo phối hợp để giải quyết khi các giảng viên không thống nhất được. Giáo vụ Chương trình gửi biên bản về phòng Đào tạo để xử lý điều chỉnh điểm lưu trong hệ thống tác nghiệp.

Điều 20. Công nhận tín chỉ tích lũy và miễn học

1. Trường xem xét công nhận tín chỉ tích lũy và cho phép miễn học đối với sinh viên từ CTTT trường khác chuyển về Trường, sinh viên theo các chương trình trao đổi sinh viên của Trường với các trường khác.

2. Nếu tham gia chương trình đào tạo hợp tác với nước ngoài và làm đồ án tốt nghiệp tại nước ngoài thì tùy theo đặc điểm chương trình hợp tác, sinh viên có thể được xét không phải bảo vệ ở hội đồng tại Trường. Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch trước khi thực hiện.

3. Sinh viên (thuộc CTTT của Trường hoặc sinh viên trường khác) thôi học theo nguyện vọng hoặc bị buộc thôi học, nếu thi lại và trúng tuyển vào CTTT thì phải học lại tất cả chương trình, trừ các chứng chỉ đã được cấp theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 21. Cách tính điểm trung bình chung

1. Điểm trung bình chung học kỳ được tính theo công thức sau đây và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$DTBC = \frac{\sum_{i=1}^M (D_i \cdot tc_i)}{\sum_{i=1}^M tc_i}$$

Trong đó: $DTBC$ là điểm trung bình chung học kỳ; D_i là điểm của học phần thứ i ; tc_i là số tín chỉ của học phần thứ i ; M là số học phần sinh viên đăng ký trong học kỳ. Nếu trong học kỳ có học phần sinh viên học nhiều lần thì chỉ lấy một lần có kết quả cao nhất để tính.

Điểm trung bình chung học kỳ là một trong các tiêu chí dùng để xét cảnh báo kết quả học tập, xét thôi học và xếp hạng học lực sinh viên.

2. Điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau đây và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$DTBCTL = \frac{\sum_{i=1}^N (D_{ti} \cdot tc_i)}{\sum_{i=1}^N tc_i}$$

Trong đó: $DTBCTL$ là điểm trung bình chung tích lũy; D_{ti} là điểm tích lũy của học phần thứ i ; tc_i là số tín chỉ của học phần thứ i ; N là số học phần tích lũy tính từ đầu khóa học. Nếu có học phần sinh viên học nhiều lần thì chỉ lấy một lần có điểm tích lũy cao nhất để tính.

Điểm trung bình chung tích lũy là một trong các tiêu chí dùng để xét cảnh báo kết quả học tập, xét thôi học và xếp hạng học lực sinh viên.

Chương IV **XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

Điều 22. Thực tập tốt nghiệp, làm đồ án tốt nghiệp

1. Sinh viên thực tập tốt nghiệp và làm đồ án tốt nghiệp theo quy trình “Capstone Project” (có quy định riêng).

2. Để được thực hiện “Capstone Project”, sinh viên phải hội đủ điều kiện đã được quy định trong CTĐT và thêm các điều kiện sau đây:

a) Khối lượng kiến thức còn chưa tích lũy (không kể thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp) không vượt quá 4 tín chỉ và phải tích lũy đủ các học phần tiên quyết của thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp.

b) Điểm trung bình chung tích lũy tính từ đầu khóa học không dưới 2,00.

Đầu mỗi học kỳ, Phòng Đào tạo và bộ phận quản lý CTTT phối hợp xét và công bố danh sách sinh viên đủ điều kiện thực hiện “Capstone Project” đối với các lớp đúng và trễ tiến độ so với tiến độ thiết kế của CTĐT. Sinh viên học vượt và có đủ điều kiện thực hiện “Capstone Project” sớm hơn so với tiến độ thiết kế thì cần phải nộp đơn cho Phòng Đào tạo trong thời gian quy định.

Điều 23. Đánh giá thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp.

1. Sinh viên thực hiện “Capstone Project” được hướng dẫn và chấm bởi Hội đồng do Hiệu trưởng ký quyết định thành lập.

2. Thành viên của hội đồng là giảng viên của Trường, các cơ sở giáo dục đại học thành viên Đại học Đà Nẵng, hoặc có thể mời những người có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ phù hợp ở cơ sở nghiên cứu, đào tạo ngoài Đại học Đà Nẵng hoặc doanh nghiệp.

3. Sinh viên có điểm đánh giá “Capstone Project” dưới 5,5 theo thang điểm 10 thì chưa đạt và phải làm lại “Capstone Project” với đề tài khác.

4. Điểm đánh giá “Capstone Project” được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

Điều 24. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy định này;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định;

e) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;

g) Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định của Trường đối với CTTT;

h) Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin theo quy định của Trường.

2. Sinh viên học vượt và đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hơn so với thời gian thiết kế của khóa học thì phải làm đơn xin công nhận tốt nghiệp, nộp cho phòng Đào tạo trong thời gian quy định.

3. Sinh viên đủ điều kiện được công nhận tốt nghiệp nhưng vẫn muốn tiếp tục học để nâng điểm trung bình chung tích lũy thì phải làm đơn xin hoãn công nhận tốt nghiệp, nộp cho phòng Đào tạo trong thời gian quy định.

4. Hội đồng xét tốt nghiệp họp để xét tốt nghiệp cho các sinh viên có đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm Thư ký và các Ủy viên là các cán bộ phụ trách Chương trình, Trưởng phòng Công tác sinh viên.

5. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 25. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo.

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học, như sau:

- Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00
- Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59
- Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19
- Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49

2. Sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc, giỏi sẽ bị giảm hạng tốt nghiệp đi một mức, nếu rơi vào ít nhất một trong các trường hợp sau:

a) Tổng số tín chỉ của các học phần học từ lần thứ 2 vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ của chương trình;

b) Trong thời gian học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

3. Mỗi sinh viên tốt nghiệp được Trường cấp một bảng điểm ghi kết quả học tập từng học phần, có điểm đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ. Trong bảng điểm ghi rõ chuyên ngành hoặc ngành phụ, nếu có.

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại Khoản 1 Điều 24 của Quy định này đối với một số CTĐT tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên đã hết thời gian tối đa được phép học, chỉ còn thiếu chứng chỉ giáo dục quốc phòng, chứng chỉ giáo dục thể chất thì trong thời hạn 5 năm sau đó, nếu bổ sung đủ các chứng chỉ còn thiếu và đủ điều kiện thì sẽ được xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên đã hết thời gian tối đa được phép học nhưng chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc công nghệ thông tin thì trong thời hạn 3 năm sau đó, nếu bổ sung đủ chứng chỉ còn thiếu và đủ điều kiện thì sẽ được xét tốt nghiệp. Ngày cấp chứng chỉ ngoại ngữ phải cách thời điểm xét công nhận tốt nghiệp không quá 24 tháng.

7. Sinh viên không tốt nghiệp được Trường cấp chứng nhận kết quả các học phần đã học. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 15 của Quy định này.

Chương V **XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 26. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Nếu sinh viên vi phạm quy chế trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, thì sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại Khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

Chương VI **THI HÀNH**

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với sinh viên chương trình tiên tiến trình độ đại học của Trường.

2. Đối với sinh viên thuộc các khóa tuyển sinh từ năm 2014 về trước:

a) Quy đổi điểm học phần (kể cả Thực tập tốt nghiệp và Đồ án tốt nghiệp) như sau:

Xếp loại	Điểm theo thang 10	Điểm theo thang 4	Điểm theo thang chữ
Đạt	Từ 8,5 đến 10,0	4,0	A
	Từ 7,0 đến dưới 8,5	3,0	B
	Từ 5,5 đến dưới 7,0	2,0	C

Xếp loại	Điểm theo thang 10	Điểm theo thang 4	Điểm theo thang chữ
	Từ 4,0 đến dưới 5,5	1,0	D
Không đạt	< 4,0	0	F

b) Không áp dụng Điểm h Khoản 1 Điều 24 của Quy định này.

3. Hàng năm, căn cứ thực tế nếu thấy cần thiết Hiệu trưởng sẽ quyết định bổ sung, sửa đổi điều chỉnh Quy định này cho phù hợp.



GS. TS. Lê Kim Hùng